TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯNG HÀ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/HS-ST

Ngày 05-5-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Quang Trác

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Nghị

2. Bà Trần Thị Nơi

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Doãn Thị Thu Hiền – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hưng Hà

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Phương - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 5 năm 2020. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 08/2020/TLST-HS ngày 22/01/2020; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST-HS ngày 21/02/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/HSST-QĐ, ngày 06 tháng 3 năm 2020; Thông báo số: 01/TB-TA, ngày 17/3/2020 về việc thay đổi lịch xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2020/HSST-QĐ, ngày 06 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

1. Trần Sỹ D, sinh ngày 22/11/1974, tại tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Số nhà A3X, tổ 1X, phường Q, thành phố Th, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn Giáo: Không; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 11/12; Con ông Trần Sỹ Tr, sinh năm 1946 và bà Nguyễn Thị Tr1, sinh năm 1947; Vợ: Phạm Thị D, sinh năm 1976, có 02 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 31/3/1991, Công an thị xã Thái Bình, tỉnh Thái Bình xử phạt hành chính về hành vi "Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa". Ngày 25/8/1992, Tòa án nhân dân thị xã Thái Bình (nay là thành phố Thái Bình) xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân". Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Bị hại: Bà Lê Thị N, sinh năm 1950 (đã chết)

Địa chỉ: Thôn H, xã Ph, huyện H, tỉnh Thái Bình

* Người đại diện hợp pháp của người bị hại:

- Anh Phạm Triệu H, sinh năm 1971 (có mặt)

- Chị Phạm Thị B, sinh năm 1972 (vắng mặt)

- Anh Phạm Mạnh C, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Đều cư trú: Thôn H, xã Ph, huyện H, tỉnh Thái Bình

+ Người đại diện theo ủy quyền của chị B, anh C: Anh Phạm Triệu H, sinh năm 1971

Nơi cư trú: Thôn H, xã Ph, huyện H, tỉnh Thái Bình

- Chị Phạm Thị Thanh Th, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Số 5X/19/X, tổ 9X, khu phố 1Z, phường Tr, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

* Người làm chứng:

- Chị Hà Thị M, sinh năm 1989 (vắng mặt)

- Ông Phạm Công Th, sinh năm 1962 (vắng mặt)

- Bà Đào Thị C, sinh năm 1964 (vắng mặt)

- Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1955 (vắng mặt)

- Anh Vũ Ngọc Th, sinh năm 1980 (vắng mặt)

- Bà Hoàng Thị Q, sinh năm 1966 (vắng mặt)

- Anh Đặng Hiếu Tr, sinh năm 1979 (vắng mặt)

- Ông Nguyễn Duy V, sinh năm 1965 (vắng mặt)

- Ông Nguyễn Đắc Kh, sinh năm 1968 (vắng mặt)

- Anh Đào Văn T, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Đều cư trú: Thôn H, xã Ph, huyện H, tỉnh Thái Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 10 phút ngày 06/8/2019, Trần Sỹ D điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 17B1-234.XX (có giấy phép lái xe hạng A1) trên quốc lộ 39A, hướng thị trấn Hưng Nhân về thị trấn Hưng Hà. Khi đến địa phận thôn H, xã Ph, huyện H là khu vực đông dân cư, có đặt biển báo "bắt đầu khu dân cư" ký hiệu R.420 tại Km 52+700m và biển báo "hết khu dân cư" ký hiệu R.421 tại Km 53+400m. Lúc này D điều khiển xe với tốc độ khoảng 60km đến 70km/giờ thì quan sát thấy phía trước (cách xe khoảng 10 mét) có 01 xe đạp do bà Lê Thị N điều khiển đi cùng chiều và chuyển hướng sang đường. Do không làm chủ tốc độ, không giảm tốc độ đến mức an toàn nên phần đầu xe mô tô bên trái của D đã va chạm với phần đầu bên phải xe đạp do bà N điều khiển làm bà N ngã ra đường. Hậu quả bà N bị thương được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa Hưng Nhân, sau đó chuyển Bệnh viện Việt Đức, thành phố Hà Nội và chết lúc 12 giờ 15 phút ngày 17/8/2019.

Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số: 144/PY-PC09 ngày 10/8/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thái Bình kết luận nguyên nhân chết của bà Lê Thị N: "Đa chấn thương vùng đầu và gai chậu phải do tai nạn giao thông, làm vỡ xương sọ vùng chẩm, chảy máu não. Nạn nhân chết do chấn thương sọ não".

Bản Cáo trạng số: 13/CT-VKSHH ngày 20/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà đã truy tố Trần Sỹ D về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm a khoản 1 điều 260 Bộ luật Hình sự.

Sau khi tai nạn xảy ra, gia đình bị cáo Trần Sỹ D đã đến thăm hỏi và tích cực bồi thường cho gia đình người bị hại. Gia đình bị cáo D và gia đình người bị hại đã thoả thuận: Bị cáo D bồi thường số tiền 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng) để hỗ trợ, bồi thường chi phí điều trị tại bệnh viện, chi phí mai táng. Anh Phạm Triệu H (đại diện hợp pháp của người bị hại theo ủy quyền) đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường bất kỳ khoản chi phí nào khác. Bị cáo đã bồi thường xong.

Bị cáo D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã mô tả.

Anh H không yêu cầu bị cáo D bồi thường thêm bất kỳ khoản chi phí nào khác, đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

Tại phiên toà, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như tại bản Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Trần Sỹ D phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ". Áp dụng điểm a khoản 1 điều 260; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 50; khoản 1, 2 điều 65 Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo mức án từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm.

Về trách nhiệm dân sự: Tại giai đoạn điều tra, bị cáo D đã bồi thường cho gia đình người bị hại số tiền 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng). Anh H là người đại diện hợp pháp của người bị hại theo ủy quyền đã nhận đủ số tiền trên và có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Ngoài ra không yêu cầu bị cáo bồi thường bất kỳ khoản chi phí nào khác nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo D 01 xe mô tô biển kiểm soát 17B1-234.XX; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện mô tô đều mang tên Trần Sỹ D. Trả lại cho anh Phạm Triệu H 01 xe đạp mi ni hai típ lượn, màu trắng bạc là đúng pháp luật nên không đặt ra giải quyết.

Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự; điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại bị cáo D 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Trần Sỹ D. Tịch thu tiêu hủy 01 áo sơ mi ngắn tay màu đỏ, gắn mác YODY; 01 quần dài màu tím than; 02 dép màu xanh có quai vải chéo; 01 mảnh nhựa màu đen.

Ngoài ra đề nghị Hội đồng xét xử quyết định phần án phí theo luật định

Bị cáo D và Anh H không có tranh luận

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hưng Hà, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trước phiên tòa hôm nay cũng như tại cơ quan điều tra bị cáo Trần Sỹ D đều khai nhận: Khoảng 21 giờ 10 phút ngày 06/8/2019, bị cáo điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 17B1-234.XX trên đường 39A, khi đến khu vực thôn H, xã Ph, huyện H là khu vực đông dân cư, có đặt biển báo "bắt đầu khu dân cư", do không làm chủ tốc độ, không giảm tốc độ xe đến mức an toàn nên đã va chạm với xe đạp do bà N điều khiển đi cùng chiều đang chuyển hướng sang đường, hậu quả bà N bị ngã ra đường sau đó bị chết do chấn thương sọ não. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người làm chứng là chị Hà Thị M, ông Phạm Công Th, bà Đào Thị C, ông Nguyễn Ngọc T, anh Vũ Ngọc Th, bà Hoàng Thị Q, anh Đặng Hiếu Tr, ông Nguyễn Duy V, ông Nguyễn Đắc Kh, anh Đào Văn T (bút lục số 103 đến 118 và bút lục số 127 đến 134). Ngoài ra còn được chứng minh bằng các chứng cứ như: Báo cáo vụ việc của Công an xã Ph (bút lục số 25); Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra tự thú (bút lục số 23, 24); Biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường (bút lục số: 39 đến 41); Biên bản khám nghiệm phương tiện (bút lục số 42, 43, 46, 47); Giấy chứng nhận thương tích (bút lục số 50); Bản ảnh hiện trường, bản ảnh khám nghiệm phương tiện, bản ảnh tử thi (bút lục số 143, 184, 185); Biên bản khám nghiệm tử thi và Bản kết luận giám định pháp y tử thi số: 144/PY/PC09 ngày 10/8/2019 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình (bút lục số 53 đến 55). Hành vi của bị cáo đã vi phạm vào khoản 1 điều 12 Luật giao thông đường bộ; khoản 5 điều 5 Thông tư số 91/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải;

Điều 12. Tốc độ xe và khoảng cách giữa các xe:

1. Người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng phải tuân thủ quy định về tốc độ xe chạy trên đường và phải giữ một khoảng cách an toàn đối với xe chạy liền trước xe của mình; ở nơi có biển báo "Cự ly tối thiểu giữa hai xe" phải giữ khoảng cách không nhỏ hơn số ghi trên biển báo.

……

Điều 5. Các trường hợp phải giảm tốc độ (TTLT số 91/2015)

Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải giảm tốc độ thấp hơn tốc độ tối đa cho phép (có thể dừng lại một cách an toàn) trong các trường hợp sau:

……

5. Qua khu vực có trường học, bệnh viện, bến xe, công trình công cộng tập trung nhiều người; khu vực dông dân cư, nhà máy, công sở tập trung bên đường, khu vực đang thi công trên đường bộ; hiện trường xảy ra tai nạn giao thông.

Như vậy có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Trần Sỹ D đã phạm vào tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ", thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 điều 260 Bộ luật Hình sự:

Điều 260. Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ:

1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

……

5. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả vụ án cùng các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ thấy rằng: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo có giấy phép lái xe nhưng khi tham gia giao thông đã không tuân thủ luật an toàn giao thông đường bộ, không làm chủ được tốc độ và giảm tốc độ đến mức an toàn nên đã gây tai nạn giao thông đối với bà Lê Thị N điều khiển xe đạp đi phía trước cùng chiều đang chuyển hướng sang đường, hậu quả bà Lê Thị N bị chết do chấn thương sọ não, hành vi của bị cáo đã gây thiệt hại cho tính mạng của người khác được pháp luật bảo vệ do đó cần có hình phạt tương ứng với hành vi của bị cáo gây ra.

[4] Tuy nhiên cũng xem xét, sau khi gây tai nạn, bị cáo đã đến cơ quan Công an tự thú, thăm hỏi, động viên gia đình người bị hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực bồi thường cho gia đình người bị hại với số tiền 130.000.000 đồng, đại diện hợp pháp của người bị hại có đơn đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo, mặt khác người bị hại cũng có một phần lỗi, khi sang đường không chú ý quan sát, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, mặc dù bị cáo có nhân thân đã từng bị kết án về hành vi trộm cắp tài sản, nhưng thời gian đã quá dài. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, do vậy cần áp dụng các điểm b, r, s khoản 1, 2 điều 51, khoản 1, 2 điều 65 Bộ luật hình sự, không cần buộc bị cáo cách ly khỏi xã hội, cho bị cáo hưởng án treo, có ấn định thời gian thử thách cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Đại diện hợp pháp của người bị hại bà Lê Thị N gồm: Anh Phạm Triệu H, chị Phạm Thị B, anh Phạm Mạnh C, chị Phạm Thị Thanh Th (con bà N) và bị cáo D đã thỏa thuận: Bị cáo bồi thường tất cả các

khoản chi phí cho gia đình người bị hại số tiền là: 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi mốt triệu đồng). Anh Phạm Triệu H là đại diện hợp pháp của người bị hại theo ủy quyền đã nhận đủ số tiền: 130.000.000 đồng từ gia đình bị cáo, những người đại diện hợp pháp của người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường bất kỳ khoản chi phí nào khác. Xét việc thỏa thuận này là tự nguyện, không trái pháp luật nên chấp nhận.

[6] Về xử lý vật chứng: Tại giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo D 01 xe mô tô biển kiểm soát 17B1-234.XX; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện mô tô đều mang tên Trần Sỹ D. Trả lại cho anh Phạm Triệu H 01 xe đạp mi ni hai típ lượn, màu trắng bạc là đúng pháp luật nên không đặt ra giải quyết.

Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự; điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại bị cáo D 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Trần Sỹ D
- Tịch thu tiêu hủy 01 áo sơ mi ngắn tay màu đỏ, gắn mác YODY; 01 quần dài màu tím than; 02 dép màu xanh có quai vải chéo; 01 mảnh nhựa màu đen.

Về án phí: Bị cáo Trần Sỹ D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1.Tuyên bố các bị cáo Trần Sỹ D phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"

- Áp dụng điểm a khoản 1 điều 260; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 điều 51; khoản 1, 2 điều 65; điều 50 Bộ luật hình sự. Xử phạt Trần Sỹ D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (ba) năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Sỹ D cho Ủy ban nhân dân phường Quang Trung, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 92 Luật thi hành án hình sự

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 48 Bộ luật hình sự; các điều 584, 585, 591 Bộ luật dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo Trần Sỹ D và đại diện hợp pháp của người bị hại gồm: Anh Phạm Triệu H, chị Phạm Thị B, anh Phạm Mạnh C, chị Phạm Thị Thanh Th (con bà N). Bị cáo bồi thường tất cả các khoản chi phí cho gia đình người bị hại số tiền là: 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng), gia đình người bị hại đã nhận đủ số tiền: 130.000.000 đồng từ gia đình bị cáo và không yêu cầu bị cáo bồi thường bất kỳ khoản chi phí nào khác (bị cáo đã bồi thường xong).

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:

- Trả lại bị cáo D 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Trần Sỹ D

- Tịch thu tiêu hủy 01 áo sơ mi ngắn tay màu đỏ, gắn mác YODY; 01 quần dài màu tím than; 02 dép màu xanh có quai vải chéo; 01 mảnh nhựa màu đen.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Trần Sỹ D phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, Anh H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. chị B, anh C, chị Thủy vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Quang Trác

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Hưng Hà;
- Công an huyện Hưng Hà;
- THADS huyện Hưng Hà;
- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của người bị hại;
- Sở Tư pháp;
- UBND phường Q, thành phố Th.
- Lưu VP.